

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH P**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24/2025/HS-ST**
Ngày 02 tháng 6 năm 2025 và
ngày 06 tháng 6 năm 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Quang Tụng.

Bà Nguyễn Thị Minh Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh P tham gia phiên tòa: Ông Triệu Ngọc Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2025 và ngày 06 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P tỉnh P, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2025/TLST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/HSST-QĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn S**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 05/01/1990 tại tỉnh P; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số thẻ CCCD: 025090011624; Cấp ngày: 08 tháng 02 năm 2023; Nơi cấp: Cục C về TTXH; Nơi thường trú: Khu A, xã P, huyện P, tỉnh P; Bố đẻ: Nguyễn Văn L, sinh năm 1960; Mẹ đẻ: Mè Thị K, sinh năm 1969; Anh em ruột: Có 03 anh em, bị cáo là lớn; Vợ: Hoàng Thị Hoài T, sinh năm 1997; Con: Nguyễn Đức P, sinh năm 2014; Bố mẹ, vợ và con của bị cáo đều ở khu A, xã P, huyện P, tỉnh P.

Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 17/QĐ-XPVPHC ngày 05/02/2018 của Công an huyện P xử phạt Nguyễn Văn S 1.000.000 đồng về hành vi sử dụng các loại pháo mà không được phép. San đã nộp phạt ngày 08/02/2018;

Tiền sự: Không.

Tiền án: Có 02 tiền án;

Tại Bản án số 48/2018/HSST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh P xử phạt 27 tháng tù giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, xảy ra ngày 13/8/2018.

Tại Bản án số 65/2018/HSST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh P xử phạt 54 tháng tù giam về tội “Cướp tài sản”, xảy ra ngày 21/7/2018. Tổng hợp với hình phạt tại Bản án số 48/2018/HSST ngày 30/10/2018, buộc S phải chấp hành hình phạt chung là 06 năm 09 tháng tù giam. Chấp hành xong án phạt tù ngày 19/01/2023.

Bị cáo bị bắt tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 17/9/2024 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh P. (Có mặt tại phiên toà)

2. Họ và tên: **Hoàng Văn H**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 08/6/1991 tại tỉnh P; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số thẻ CCCD: 025091014439; Cấp ngày: 28 tháng 08 năm 2022; Nơi cấp: Cục C về TTXH; Nơi thường trú: Khu I, xã P, huyện P, tỉnh P; Bố đẻ: Hoàng Trung B, sinh năm 1958; Mẹ đẻ Nguyễn Thị H1, sinh năm 1961; Hiện bố, mẹ của bị cáo đều ở khu I, xã P, huyện P, tỉnh P; A, chị em ruột: Có 03 anh em, bị cáo là nhỏ; Vợ, con: Chưa có;

Tiền sự: Không.

Tiền án: Có 01 tiền án;

Tại Bản án số 08/2013/HSST ngày 26/03/2013 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh P xử phạt 30 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tại Bản án số 25/2014/HSPT ngày 15/5/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh P xử phúc thẩm giữ nguyên mức phạt 30 tháng tù. Ngày 28/5/2013, H chấp hành xong án phí hình sự và án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Xác minh tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P thể hiện: Ngày 14/10/2024, Hoàng Văn H mới thi hành nghĩa vụ bồi thường dân sự số tiền 6.610.000 đồng theo Bản án số 08/2013/HSST ngày 26/03/2013. Ngày 16 và 17/9/2024, H thực hiện hành vi phạm tội nên lần phạm tội này của H là “Tái phạm”.

Nhân thân:

Tại Bản án số 40/2011/HSST ngày 30/09/2011 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh P xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, được khấu trừ 02 tháng 25 ngày tạm giam; còn phải chấp hành 06 tháng 05 ngày tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng 10 ngày về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Chấp hành xong án phí dân sự ngày 22/11/2011.

Tại Bản án số 15/2013/HSST ngày 26/04/2013 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh P xử phạt 18 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp với hình phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo tại Bản án số 40/2011/HSST ngày 30/09/2011 chuyển thành án giam và hình phạt 30 tháng tù tại Bản án số 08/2013/HSST ngày 26/03/2013, buộc Hoàng Văn H phải chấp hành hình phạt chung của 03 bản án là 54 tháng tù. Ngày 14/6/2016, Hoàng Văn H chấp hành xong án phạt tù. Ngày 18/7/2013, H chấp hành xong án phí hình sự và án phí dân sự trong vụ án hình sự. Xác minh người được thi hành án, xác nhận gia đình H đã bồi thường xong năm 2016.

Tại Bản án số 43/2017/HSST ngày 25/08/2017, của Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh P xử phạt 33 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Bản án xác

định tình tiết “Tái phạm nguy hiểm” là tình tiết định khung hình phạt. Chấp hành xong án phí hình sự ngày 21/7/2017 và chấp hành xong án phạt tù ngày 11/11/2019.

Ngày 11/01/2021, có hành vi hủy hoại tài sản người khác. Công an huyện P xử phạt vi phạm hành chính 3.500.000 đồng. Hoan chưa nộp, không bị áp dụng biện pháp cưỡng chế nên H đương nhiên được xóa tiền sử.

Ngày 31/12/2021, có hành vi xâm hại sức khỏe người khác và có lời nói xúc phạm danh dự, nhân phẩm người khác. Công an huyện P xử phạt vi phạm hành chính 2.700.000 đồng. Hoan chưa nộp, không bị áp dụng biện pháp cưỡng chế nên H đương nhiên được xóa tiền sử.

Ngày 01/07/2022, có hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Công an huyện P xử phạt vi phạm hành chính 8.000.000 đồng. Hoan chưa nộp, không bị áp dụng biện pháp cưỡng chế nên H đương nhiên được xóa tiền sử.

Bị cáo bị tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 17/9/2024 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh P. (Có mặt tại phiên tòa).

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Bà **Mê Thị K**, sinh năm 1969; Địa chỉ: khu A, xã P, huyện P, tỉnh P. (Có mặt).

** Người làm chứng:*

Anh **Nguyễn Thế T1**, sinh năm 1995; Địa chỉ: khu D, xã L, huyện P, tỉnh P. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 11 giờ 00 phút ngày 17/9/2024, tại khu I, xã P, huyện P, tỉnh P, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh P phát hiện bắt quả tang Nguyễn Văn S, sinh năm 1990; thường trú tại: khu A, xã P, huyện P, tỉnh P có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ: 01 túi nilon màu trắng, có khuy bấm bên trong chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng và 01 đoạn ống hút nhựa màu đen được hàn kín hai đầu bên trong chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu vàng lấp sim số 0962.251.034; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, màu đen, xám, BKS: 29T1-25940; Tiền Việt Nam: 1.000.000 đồng.

Ngày 17/09/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Văn S tại Khu A, xã P, huyện P, tỉnh P không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Về nguồn gốc ma túy, Nguyễn Văn S khai nhận:

Khoảng đầu tháng 9/2024 (S không nhớ cụ thể ngày, giờ), Nguyễn Văn S một mình đi đến khu vực xã L, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc tìm mua ma túy. Tại đây, S mua được 01 túi nilon màu trắng, miệng túi có khuy bấm bịt kín, bên trong chứa chất rắn

dạng tinh thể màu trắng là ma túy đá với giá 2.500.000 đồng của một người nam giới không quen biết tự giới thiệu tên là B1. Sau khi mua được ma túy, S mang về nhà lấy một phần ma túy trong túi nilon ma túy đá vừa mua được chia thành ba phần ma túy nhỏ đều có đặc điểm 01 đoạn ống hút nhựa màu đen hàn kín hai đầu, bên trong chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng (ma túy) rồi cất giấu với mục đích để bán kiếm lời khi có người hỏi mua.

Sau đó, S đã 02 lần bán ma túy đá cho Đỗ Văn B2, sinh năm 1991, nơi thường trú: khu C, xã L, huyện P, tỉnh P. Ngày 16/9/2024, S cầm theo túi nilon ma túy đá và 01 đoạn ống hút nhựa màu đen chứa ma túy đá đến nhà ở của Hoàng Văn H, sinh năm 1991; tại khu I, xã P, huyện P, tỉnh P để chơi. Tại đây, S, H và Nguyễn Thế T1, sinh năm 1995; thường trú tại: khu D, xã L, huyện P, tỉnh P đã cùng sử dụng ma túy.

Căn cứ lời khai của S, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, Quyết định tạm giữ và L1 bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Hoàng Văn H đồng thời khám xét khẩn cấp chỗ ở của Hoàng Văn H. Quá trình khám xét thu giữ: 01 chai nhựa có gắn công thủy tinh và ống hút (có biên bản niêm phong riêng); 01 chiếc bật lửa gas màu đỏ; 01 thẻ căn cước công dân mang tên Hoàng Văn H; 01 thẻ nhựa hình chữ nhật màu đen, vàng cả 2 mặt đều in nhiều ký hiệu tiếng nước ngoài; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu xanh đã cũ không lắp sim số; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu đỏ đã cũ không lắp sim số. Ngoài ra không thu giữ, đồ vật, tài sản gì khác.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành kiểm tra việc sử dụng chất ma túy đối với Nguyễn Văn S, Hoàng Văn H và Nguyễn Thế T1 bằng que thử chất ma túy. Kết quả, S, H và T1 đều dương tính với chất ma túy Methamphetamine.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P đã trưng cầu Phòng K1, Công an tỉnh P giám định:

- Số chất rắn dạng tinh thể màu trắng thu giữ của Nguyễn Văn S. Tại bản kết luận giám định số: 1279/KL-KTHS, ngày 20/9/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh P, kết luận: “*Chất rắn dạng tinh thể màu trắng chứa trong 01 túi nilon màu trắng có khối lượng: 0,559 gam, là ma túy, loại Methamphetamine; Chất rắn dạng tinh thể màu trắng chứa trong 01 đoạn ống nhựa có khối lượng 0,163 gam, là ma túy, loại Methamphetamine*”.

- Số chất rắn dạng tinh thể màu trắng trong phần công thủy tinh thu giữ trong quá trình khám xét khẩn cấp chỗ ở của Hoàng Văn H ngày 17/09/2024. Tại bản kết luận giám định số: 1282/KL-KTHS, ngày 23/09/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh P, kết luận: “*Chất bột màu nâu bám dính trong 01 công thủy tinh được gắn vào 01 chai nhựa có gắn ống hút nhựa có khối lượng: 0,008 gam, là ma túy, loại Methamphetamine*”;

- Mẫu nước tiểu của Nguyễn Văn S, Hoàng Văn H và Nguyễn Thế T1. Tại bản kết luận giám định số: 1281/KL-KTHS, ngày 23/09/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh P, kết luận: “*Trong các mẫu nước tiểu của Nguyễn Văn S, Hoàng Văn H và Nguyễn Thế T1 đều tìm thấy chất ma túy, loại Methamphetamine*”.

Ngày 23/09/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P tiếp nhận, giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, nội dung vụ án thể hiện:

Sau khi mua được ma túy và chia một ít vào ba đoạn ống hút nhựa màu đen hàn kín hai đầu, bên trong chứa chất ma túy đá. S đã hai lần bán ma túy đá cho Đỗ Văn B2. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 17 giờ một ngày đầu tháng 9/2024 (S không còn nhớ ngày nào), B2 gọi điện thoại cho S qua ứng dụng Facebook hỏi mua 01 gói ma túy đá với giá 300.000 đồng. S đồng ý và hẹn gặp ở đoạn đường gần nhà văn hóa khu A, xã P, huyện P, tỉnh P để giao dịch mua bán ma túy. Khoảng 20 phút sau, B2 gặp và đưa cho S 300.000 đồng. S cầm tiền rồi đưa cho B2 đoạn ống hút nhựa màu đen hàn kín hai đầu, bên trong chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng là ma túy đá. Sau đó, S đi về.

Lần thứ hai: Vào khoảng 19 giờ ngày 13/09/2024 với diễn biến, phương thức và địa điểm như lần thứ nhất, S đã bán cho B2 đoạn ống hút nhựa màu đen hàn kín hai đầu, bên trong chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng là ma túy đá với giá 300.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng M của S.

Đến khoảng 17 giờ ngày 16/9/2024, Hoàng Văn H sử dụng ứng dụng Zalo gọi điện, nhắn tin rủ S đến nhà chơi. Khoảng 21 giờ cùng ngày, S cầm theo túi nilon ma túy đá và 01 đoạn ống hút nhựa màu đen chứa ma túy đá đi xe mô tô BKS: 29T1-25940, một mình đến nhà H. Khi đang ở trong phòng ngủ của H, S lấy từ trong túi quần đang mặc ra túi nilon chứa ma túy đá và rủ H cùng sử dụng, H đồng ý và nói vị trí bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá trong tủ ở phòng ngủ của H. San mở tủ lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá để xuống nền nhà rồi lấy một phần ma túy đá trong túi nilon cho vào cồng và lấy bật lửa trong phòng của H đốt nóng cồng chứa ma túy sử dụng cho bản thân. Sau đó, H cũng tự sử dụng ma túy giống như S. Khoảng hơn 02 giờ sáng ngày 17/9/2024, Nguyễn Thế T1, sinh năm 1995; thường trú tại: khu D, xã L, huyện P, tỉnh P là bạn của S gọi điện hỏi S đang ở đâu để đến chơi, S nói đang ở nhà H và hỏi xin của T1 500.000 đồng nhưng T1 nói không có, để T1 hỏi xem ai có không. Đến khoảng 03 giờ sáng, Nguyễn Thế T1 gọi điện thoại cho S, S rủ T1 đến nhà H chơi và có nói cho H biết về việc này. Khoảng 30 phút sau, T1 một mình đến nhà H, S ra mở cửa cho T1 vào phòng, lúc này H đang ngồi dùng điện thoại trong phòng. S bảo T1 có ma túy sẵn ở trong cồng, nếu dùng thì tự sử dụng, còn H không nói gì. Sau đó, T1 tự sử dụng nốt số ma túy còn lại trong cồng thủy tinh của bộ D sử dụng ma túy đá. Sử dụng ma túy xong, T1 mượn điện thoại của S gọi điện thoại cho Lê H2 - Sinh năm: 1998, thường trú tại: Khu D, xã L, huyện P, tỉnh P hỏi vay 500.000 đồng và nhờ chuyển khoản số tiền đó vào tài khoản ngân hàng M số 0962251034 của S. Sau đó, T1 đi về, đến khoảng 10 giờ 45 phút San mang số ma túy đá còn lại đi ra ngoài đường để tìm cách bán thì bị cơ quan Công an kiểm tra bắt giữ.

** Nguyên nhân, động cơ, mục đích phạm tội:* Nguyễn Văn S thực hiện hành vi tàng trữ ma túy Methamphetamine để bán với lỗi cố ý trực tiếp, nhằm mục đích để

kiếm lời. Hoàng Văn H tuy không hứa hẹn trước nhưng để mặc Nguyễn Văn S và Nguyễn Thế T1 sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng ngủ của mình.

** Vật chứng, tài sản thu giữ trong vụ án:*

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, màu đen, xám, BKS: 29T1-25940 thu giữ của Nguyễn Văn S là tài sản của bà Mè Thị K - Sinh năm: 1969; Thường trú tại: Khu A, xã P, huyện P, tỉnh P (mẹ đẻ của S). Ngày 14/09/2024, bà Mè Thị K cho S mượn chiếc xe mô tô trên để đi làm. Bà K hoàn toàn không biết việc S sử dụng chiếc xe mô tô đó thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

- Đối với số ma túy được niêm phong tại Bì số 1279/KL-KTHS và 1282/KL-KTHS ngày 20/9/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh P là mẫu vật hoàn lại sau giám định.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus, vỏ màu vàng lắp sim số thuê bao 0962.251.034 đã cũ, đã qua sử dụng của S dùng để liên hệ với H, T1; 1.000.000 đồng là tiền do S lao động có được là vật chứng, tài sản thu giữ của Nguyễn Văn S.

- 01 chai nhựa có gắn công thủy tinh và ống hút; 01 chiếc bật lửa gas màu đỏ; 01 thẻ nhựa hình chữ nhật màu đen, vàng cả 2 mặt đều in nhiều ký hiệu tiếng nước ngoài; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu xanh đã cũ không lắp sim số; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu đỏ đã cũ không lắp sim số thu giữ của Hoàng Văn H là toàn bộ vật chứng của vụ án, cần chuyển đến kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện P chờ xử lý.

- Đối với thẻ căn cước công dân số 025091014439 mang tên Hoàng Văn H là giấy tờ tùy thân của H, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã trả lại cho Hoàng Văn H là phù hợp.

- Đối với số tiền bán ma túy cho B2, S khai đã chi tiêu cá nhân hết. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã yêu cầu ngân hàng T2 - Chi nhánh P1 cung cấp thông tin tài khoản số 0962251034 của S và đề nghị không thực hiện các giao dịch đối với số tài khoản này.

** Xác minh về tài sản, thu nhập của bị cáo:*

Bị cáo Nguyễn Văn S là lao động tự do, thu nhập không ổn định. Hiện nay S và vợ, con sinh sống cùng bố, mẹ đẻ là ông Nguyễn Văn L và bà Mè Thị K. Bản thân bị cáo không có tài sản, đất đai nào khác. Thu nhập bình quân của một lao động tự do trên địa bàn xã P, huyện P năm 2024 là 43.000.000 đồng/01 người/01 năm.

Bị cáo Hoàng Văn H là lao động tự do, thu nhập không ổn định. Hiện nay H sinh sống cùng bố, mẹ đẻ là ông Hoàng Trung B và bà Nguyễn Thị H1. Bản thân bị cáo không có tài sản, đất đai nào khác. Thu nhập bình quân của một lao động tự do trên địa bàn xã P, huyện P năm 2024 là 58.000.000 đồng/01 người/01 năm.

Quá trình điều tra, các bị cáo Nguyễn Văn S, Hoàng Văn H đã khai nhận toàn bộ hình vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai của S, H phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng đã thu giữ, với lời khai của người liên quan và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản cáo trạng số: 25/CT-VKSPN ngày 21/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh P đã truy tố các bị cáo như sau:

Đối với bị cáo Nguyễn Văn S bị Viện kiểm sát nhân dân, huyện P tỉnh P truy tố về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự;

Đối với bị cáo Hoàng Văn H bị Viện kiểm sát nhân dân huyện P tỉnh P truy tố về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân, huyện P tỉnh P vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về trách nhiệm hình sự:

Đề nghị HĐXX: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và “Mua bán trái phép chất ma túy”; Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn H phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm b khoản 2 Điều 255; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự đối với Nguyễn Văn S.

Đề nghị HĐXX xử phạt Nguyễn Văn S từ 10 năm 06 tháng đến 11 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt cho cả hai tội, buộc bị cáo S chấp hành hình phạt chung từ 14 năm đến 15 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/9/2024.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự đối với Hoàng Văn H.

Đề nghị HĐXX xử phạt Hoàng Văn H từ 10 năm 06 tháng đến 11 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/9/2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

* Về xử lý vật chứng:

Áp dụng quy định tại Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus, vỏ màu vàng đã qua sử dụng là của S sử dụng liên hệ với H, T1.

+ Tịch thu tiêu hủy:

- Số ma túy được niêm phong tại Bì số 1279/KL-KTHS và 1282/KL-KTHS ngày 20/9/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh P là mẫu vật hoàn lại sau giám định.

- sim số thuê bao 0962.251.034, 01 chai nhựa có gắn công thủy tinh và ống hút; 01 chiếc bật lửa gas màu đỏ; 01 thẻ nhựa hình chữ nhật màu đen, vàng cả 2 mặt

đều in nhiều ký hiệu tiếng nước ngoài, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

+ Trả lại cho Nguyễn Văn S: 1.000.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Trả lại cho Hoàng Văn H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu xanh đã cũ không lắp sim số; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu đỏ đã cũ không lắp sim số nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Trả lại cho bà Mè Thị K - Sinh năm: 1969; Thường trú tại: Khu A, xã P, huyện P, tỉnh P (mẹ đẻ của S) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, màu đen, xám, BKS: 29T1-25940.

* Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

- Bị cáo S: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử đúng người đúng tội với bị cáo. Xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

- Bị cáo H: Bị cáo tôn trọng quyết định của Hội đồng xét xử. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử đúng người đúng tội với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh P; Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện P, tỉnh P; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P; Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh P; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn S có quan điểm cho rằng bị điều tra viên ép cung, dùng nhục hình; bị cáo Hoàng Văn H có quan điểm cho rằng bị điều tra viên hướng cho khai theo như lời khai của bị cáo S tuy nhiên các bị cáo không đưa ra được căn cứ, tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho quan điểm của các bị cáo. Trong toàn bộ quá trình điều tra, truy tố các bị cáo cũng không có đơn trình bày cũng như quan điểm gửi đến các cơ quan tiến hành tố tụng, Ban giám thị Trại tạm giam nơi các bị cáo bị tạm giam. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định các bị cáo có tội:

Tại phiên toà hôm nay bị cáo Nguyễn Văn S thừa nhận hành vi phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, không thừa nhận hành vi phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” như bản cáo trạng đã truy tố, bị cáo cho rằng bị cáo không rõ bị cáo H sử dụng ma túy, bị cáo chỉ hỏi bị cáo H cho bị cáo sử dụng ma túy tại phòng ngủ của H; chiếc cóong bị thu giữ là của bị cáo mang đến không phải là của bị cáo H cho bị cáo mượn.

Bị cáo Hoàng Văn H không thừa nhận hành vi phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” như bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo cho rằng chiếc cóong bị thu giữ là của bị cáo S mang đến; bị cáo không sử dụng ma túy cùng với bị cáo S; khi anh Nguyễn Thế T1 đến và sử dụng ma túy tại phòng ngủ của bị cáo thì bị cáo không biết.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Đối với việc các bị cáo S, H thay đổi lời khai xác định chiếc cóong bị thu giữ là của bị cáo San mang đến không phải là của bị cáo H. Căn cứ vào Biên bản khám xét tại chỗ ở của bị cáo H; biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ đều ghi ngày 17/9/2024 do Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh P lập có sự chứng kiến của các thành phần và bị cáo H, đại diện gia đình bị cáo H là bà Phạm Thị H3 (mẹ đẻ bị cáo H) thể hiện trong các đồ vật tài liệu bị thu giữ có 01 chai nhựa có gắn cóong thuỷ tinh và ống hút nhựa. Bị cáo H đã xác nhận đây là đồ vật, tài sản của bị cáo. Việc thu giữ đồ vật, tài liệu tại nơi ở của bị cáo H phù hợp với lời khai của các bị cáo xuyên suốt trong quá trình điều tra kể từ khi phát hiện sự việc lúc đầu và kể cả sau khi Toà án nhân dân huyện P trả hồ sơ điều tra bổ sung để truy tố thêm đối với bị cáo S về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và thay đổi quyết định truy tố đối với bị cáo H từ tội “*Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy*” thành tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Mặt khác, các bị cáo khai tại phiên toà chiếc cóong do S mang đến, S là người nghiện ma túy nên luôn mang theo cóong để sử dụng nhưng sau khi sử dụng xong, S đi về nhưng không mang theo chiếc cóong điều này là không phù hợp với thực tế. Do đó không có căn cứ để chấp nhận lời khai của các bị cáo liên quan đến việc chiếc cóong bị thu giữ là của bị cáo San mang đến không phải là của bị cáo H.

- Đối với việc bị cáo S cho rằng không rõ bị cáo H sử dụng ma túy, bị cáo chỉ hỏi H cho bị cáo sử dụng ma túy tại phòng ngủ của H và việc bị cáo H cho rằng bị cáo không sử dụng ma túy cùng với bị cáo S. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, các biên bản ghi lời khai của bị cáo S, bị cáo H; biên bản đối chất giữa bị cáo S- bị cáo H được Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh P thực hiện ngày 18/9/2024 được ghi âm, ghi hình có sự chứng kiến tham gia của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P; các biên bản ghi lời khai của bị cáo S, bị cáo H được Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện P, tỉnh P thực hiện ngày 29/11/2024 được ghi âm có sự chứng kiến tham gia của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P trước khi Toà án nhân dân huyện P trả hồ sơ điều tra bổ sung; các biên bản ghi lời khai của bị cáo S, bị cáo H, anh Nguyễn Thế T1 được Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh P thực hiện ngày 21/3/2025 được ghi âm có sự chứng kiến tham gia của đại

diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tỉnh P sau khi khi Toà án nhân dân huyện P trả hồ sơ điều tra bổ sung truy tố thêm đối với bị cáo S về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và thay đổi quyết định truy tố đối với bị cáo H từ tội “Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy” thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” đều thể hiện các bị cáo S, H được trình bày lời khai đúng như quan điểm của mình. Mặt khác, sau khi phát hiện sự việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh P đã tiến hành lấy mẫu nước tiểu của bị cáo H để trưng cầu giám định xác định bị cáo dương tính với ma túy đá. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn S có quan điểm cho rằng bị điều tra viên ép cung, dùng nhục hình; bị cáo Hoàng Văn H có quan điểm cho rằng bị cáo sử dụng ma túy trước đó mấy ngày và bị điều tra viên hướng cho khai theo như lời khai của bị cáo Nguyễn Văn S tuy nhiên các bị cáo không đưa ra được căn cứ, tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho quan điểm của các bị cáo, không có căn cứ để phản bác các chứng cứ buộc tội. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận lời khai của các bị cáo.

- Đối với việc bị cáo H cho rằng khi anh Nguyễn Thế T1 đến và sử dụng ma túy tại phòng ngủ của bị cáo thì bị cáo không biết. Tại phiên tòa các bị cáo và người làm chứng đều thay đổi lời khai cho rằng khi T1 đến và sử dụng ma túy thì bị cáo H không biết. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, các biên bản ghi lời khai của bị cáo S, bị cáo H, anh Nguyễn Thế T1; biên bản đối chất giữa bị cáo S- bị cáo H; S - T1; H - T1 được Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh P thực hiện ngày 18/9/2024 được ghi âm, ghi hình có sự chứng kiến tham gia của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P; các biên bản ghi lời khai của bị cáo S, bị cáo H, anh Nguyễn Thế T1 được Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện P, tỉnh P thực hiện ngày 29/11/2024 được ghi âm có sự chứng kiến tham gia của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P trước khi khi Toà án nhân dân huyện P trả hồ sơ điều tra bổ sung; các biên bản ghi lời khai của bị cáo S, bị cáo H, anh Nguyễn Thế T1 được Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh P thực hiện ngày 21/3/2025 được ghi âm có sự chứng kiến tham gia của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh P sau khi khi Toà án nhân dân huyện P trả hồ sơ điều tra bổ sung truy tố thêm đối với bị cáo S về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và thay đổi quyết định truy tố đối với bị cáo H từ tội “Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy” thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” đều thể hiện các bị cáo S, H và anh T1 được trình bày lời khai đúng như quan điểm của mình đều thể hiện khi T1 sử dụng ma túy thì bị cáo H có biết tuy bị cáo không nói đồng ý cho T1 sử dụng ma túy tại phòng ngủ của mình nhưng bị cáo không có lời nói hay hành động gì ngăn cản việc T1 sử dụng ma túy. Mặt khác, lời khai của các bị cáo, người làm chứng mâu thuẫn với nhau, mâu thuẫn với chính lời khai của mình tại các phiên tòa ngày 02/6/2025 và ngày 06/6/2025. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận lời khai của các bị cáo và người làm chứng.

Từ những nhận định trên có đủ cơ sở để xác định:

Hồi 11 giờ 00 phút ngày 17/9/2024, tại khu I, xã P, huyện P, tỉnh P, Nguyễn Văn S đã có hành vi tàng trữ 0,722 gam ma túy đá (Methamphetamine) để bán trái phép và cung cấp ma túy đá cho Hoàng Văn H và Nguyễn Thế T1 cùng sử dụng nên S phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy

định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự với khối lượng ma túy còn lại là 0,722 gam loại Methamphetamine và tội *“Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”* theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Buổi tối ngày 16 và rạng sáng ngày 17/9/2024, Nguyễn Văn S mang ma túy loại Methamphetamine đến nhà Hoàng Văn H ở khu I, xã P, huyện P, tỉnh P rồi cùng H và Nguyễn Thế T1 sử dụng. Hoàng Văn H đã có hành vi cung cấp địa điểm, công cụ cho Nguyễn Văn S và Nguyễn Thế T1 cùng sử dụng ma túy nên H phải chịu trách nhiệm hình sự về tội *“Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”* theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn S đã phạm vào tội *“Mua bán trái phép chất ma túy”* theo quy định tại khoản 1 Điều 251 và tội *“Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”* theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự; Hành vi của bị cáo Hoàng Văn H đã phạm tội *“Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”* theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự;

Nội dung khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự: Tội Mua bán trái phép chất ma túy, quy định:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

Nội dung điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự: Tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, quy định:

“1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...

b) Đối với 02 người trở lên; ...”

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

Xét tính chất vụ án Mua bán, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là rất nghiêm trọng; Hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp; động cơ, mục đích tàng trữ ma túy nhằm để bán của bị cáo S là để kiếm lời còn động cơ, mục đích tổ chức trái phép chất ma túy của bị cáo S, bị cáo H nhằm thoả mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân. Do vậy cần phải xử lý nghiêm đối với các bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Văn S và Hoàng Văn H đều phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn S và Hoàng Văn H không thành khẩn khai báo, quanh co, chối tội nên các bị cáo đều không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Riêng đối với bị cáo Nguyễn Văn S tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi mua bán trái phép chất ma túy nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Sau khi xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng các bị cáo đều là người có nhân thân xấu đã từng nhiều lần bị đưa ra xét xử. Các bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, cải tạo bản thân mà lại tiếp tục lao vào con đường phạm tội điều này chứng tỏ các bị cáo là con người khó giáo dục, coi thường pháp luật. Do vậy, lần phạm tội này cần xử phạt các bị cáo hình phạt tù có thời hạn cách ly các bị cáo ra khỏi đời xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo thành người công dân tốt cho gia đình và xã hội.

Do bị cáo Nguyễn Văn S phạm hai tội nên cần áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt chung đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự quy định “5. *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.*”.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 255 của Bộ luật Hình sự quy định: “5. *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.*”.

Tuy nhiên, qua xác minh bị cáo Hoàng Văn H không có công việc ổn định, nhưng bị cáo có tài sản riêng là 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu xanh đã cũ, đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, vỏ màu đỏ đã cũ, đã qua sử dụng. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt bổ sung tịch thu của bị cáo 02 chiếc điện thoại là phù hợp.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn S không có công việc ổn định nhưng xét thấy bị cáo S có tài sản riêng là số tiền 1.000.000 đồng hiện đang bị cơ quan công an thu giữ không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt bổ sung tịch thu của bị cáo S là số tiền 1.000.000 đồng là phù hợp.

[4]. Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn Thế T1, Cơ quan điều tra chuyên Công an huyện P đề ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

Đối với người đàn ông tên B1 mà S khai mua ma túy, S không biết họ tên, địa chỉ cụ thể của người này nên Cơ quan điều tra chưa có căn cứ triệu tập, xác minh làm rõ.

Đối với Đỗ Văn B2, cơ quan điều tra chưa triệu tập làm việc được. Mặt khác, S khai nhận việc ma bán túy chỉ có S và Báo biết, không ai khác biết, ngoài lời khai của S, không có tài liệu khác chứng minh nên chưa có căn cứ xác định Báo đã mua ma túy của S. Cơ quan điều tra tiếp tục triệu tập xác minh làm rõ, nếu có đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 500.000 đồng, Nguyễn Thế T1 nhờ Lê H2 chuyển khoản cho S là tiền Tài cho S do trước đó S có hỏi xin tiền của T1 chứ không phải tiền Tài mua ma túy hay trả cho S để được sử dụng ma túy. Do đó, Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) bì niêm phong số 1279/KL-KTHS của Phòng KTHS - Công an tỉnh P ghi: Trả lại 0,543 gam chất rắn dạng tinh thể màu trắng, cùng toàn bộ bao gói gửi đến giám định trong mẫu vật thu giữ của Nguyễn Văn S, sinh năm 1990, NTT: khu A, xã P, huyện P, tỉnh P; 01 (một) bì niêm phong số 1282/KL-KTHS của Phòng KTHS Công an tỉnh P ghi: Mẫu vật đã sử dụng hết trong quá trình giám định. Trả lại 01 chai nhựa có gắn công thủy tinh và ống hút nhựa cùng toàn bộ bao gói gửi đến giám định, trong vụ Hoàng Văn H, SN 1991, NTT: khu I, xã P, P, Phú Thọ có hành vi phạm tội về chất ma túy; 01 (một) bật lửa gas màu đỏ đã qua sử dụng; 01 (một) thẻ nhựa hình chữ nhật màu đen, vàng in chữ Vip; 01 (một) sim số thuê bao 0962.251.034 là vật nhà nước cấm lưu hành và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus, vỏ màu vàng, số sê-ri F2LQX4CLGRX2 đã cũ, đã qua sử dụng (Pin bị hỏng, màn hình bị nứt không bật được nguồn, không kiểm tra được số sê-ri) thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn S. Qua xác minh đây là chiếc điện thoại S dùng để liên lạc với H, T1 để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước là phù hợp.

- Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, màu đen, xám, BKS: 29T1-25940, có số khung RLHJC35047Y203121, số máy: JC35E-0606690, lắp hai gương, bên trong cốp xe không có đồ vật, tài sản gì. Qua xác minh đây là tài sản của bà Mè Thị K, sinh năm 1969; Thường trú tại: Khu A, xã P, huyện P, tỉnh P (mẹ đẻ của S). Ngày 14/09/2024, bà K cho S mượn chiếc xe mô tô trên để đi làm. Bà K hoàn toàn không biết việc S sử dụng chiếc xe mô tô đó thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Do vậy, cần trả lại cho bà K quản lý và sử dụng là phù hợp.

- Đối với số tiền số tiền 600.000 đồng là tiền bị cáo S khai thu lời bất chính do bán ma túy cho Báo mà có, S đã tiêu sài cá nhân hết, tuy nhiên Cơ quan điều tra không triệu tập làm việc được với Báo. Ngoài lời khai của S, không có tài liệu khác

chứng minh nên Hội đồng xét xử không xem xét truy thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) thẻ căn cước công dân số 025091014439 mang tên Hoàng Văn H là giấy tờ tùy thân của H, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã thu giữ khi bắt bị cáo H. Qua xác minh không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện P, tỉnh P đã trả lại cho bị cáo theo biên bản làm việc về nội dung trả lại căn cước công dân cho bị can Hoàng Văn H ngày 26/9/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện P, tỉnh P có lưu trong hồ sơ là hợp pháp cần xác nhận.

[6] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn S, Hoàng Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh P tại phiên tòa là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 (đối với tội “Mua bán trái phép chất ma túy”); điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn S;

Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 255; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn H;

Căn cứ điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 và Danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[1]. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố: - Bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”

- Bị cáo Hoàng Văn H phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”

[2]. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 03 (Ba) năm 06 (S1) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 10 (Mười) năm 06 (S1) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 14 (Mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo là ngày 17/9/2024.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H 10 (Mười) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 17/09/2024.

Về hình phạt bổ sung:

- Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước của bị cáo Hoàng Văn H 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu xanh không lắp sim số, số IMEI: 357342089063874, đã cũ, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, vỏ màu đỏ không lắp sim số, số sê-ri: FCCY491HHG00 đã cũ, đã qua sử dụng, bị mất nút bấm trên màn hình (Máy không bật được nguồn nên không kiểm tra được số sê-ri).

- Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước của bị cáo Nguyễn Văn S số tiền 1.000.000đồng (Một triệu đồng).

[3]. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu để tiêu hủy các vật chứng của vụ án gồm:

+ 01 (một) bì niêm phong số 1279/KL-KTHS của Phòng KTHS - Công an tỉnh P ghi: Trả lại 0,543 gam chất rắn dạng tinh thể màu trắng, cùng toàn bộ bao gói gửi đến giám định trong mẫu vật thu giữ của Nguyễn Văn S, sinh năm 1990, NTT: khu A, xã P, huyện P, tỉnh P.

+ 01 (một) bì niêm phong số 1282/KL-KTHS của Phòng KTHS Công an tỉnh P ghi: Mẫu vật đã sử dụng hết trong quá trình giám định. Trả lại 01 chai nhựa có gắn công thủy tinh và ống hút nhựa cùng toàn bộ bao gói gửi đến giám định, trong vụ Hoàng Văn H, SN 1991, NTT: khu I, xã P, P, Phú Thọ có hành vi phạm tội về chất ma túy.

+ 01 (một) bật lửa gas màu đỏ đã qua sử dụng.

+ 01 (một) thẻ nhựa hình chữ nhật màu đen, vàng in chữ Vip.

+ 01 (một) sim số thuê bao 0962.251.034

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus, vỏ màu vàng, số sê-ri F2LQX4CLGRX2 đã cũ, đã qua sử dụng (Pin bị phồng, màn hình bị kênh không bật được nguồn, không kiểm tra được số sê-ri) thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn S.

- Trả lại cho bà Mè Thị K 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, màu đen, xám, BKS: 29T1-25940, có số khung RLHJC35047Y203121, số máy: JC35E-0606690, lắp hai gương, bên trong cốp xe không có đồ vật, tài sản gì.

Các vật chứng trên được mô tả trong biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an huyện P, tỉnh P và Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh P lập ngày 13/01/2025.

- Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện P, tỉnh P đã trả lại cho bị cáo Hoàng Văn H 01 (một) thẻ căn cước công dân số 025091014439 mang tên Hoàng Văn H theo biên bản làm việc về nội dung trả lại căn cước công dân cho bị can Hoàng Văn H ngày 26/9/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện P, tỉnh P có lưu trong hồ sơ là hợp pháp.

[4]. Về án phí:

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn S, Hoàng Văn H. Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh P xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- VKSND huyện P, tỉnh P;
- Sở Tư pháp tỉnh P;
- VP CQCSĐT- Công an tỉnh P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh P;
- UBND nơi các b/c cư trú;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Hưng